



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN ACCREDITATION SCHEDULE

(Kèm theo quyết định số: /QĐ-VPCNCLQG ngày tháng 06 năm 2025
của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia)

TÊN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN/ Organisation

Tiếng Việt/ in Vietnamese: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH HÀNG HOÁ SÀI GÒN (SAINCO)

Tiếng Anh/ in English: SAIGON INSPECTION JOINT STOCK COMPANY

SỐ HIỆU CÔNG NHẬN/ Accreditation Number: VICAS 096 - QMS

ĐỊA CHỈ ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Location Covered by Accreditation

Địa chỉ: Số 2.09 Tầng 2, Cao ốc Văn phòng - Thương mại - Dịch vụ - Officetel và Căn hộ, 38 Trương Quốc Dung, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Address No. 02.09, 2nd Floor, Office – Commercial – Service – Officetel and Apartment Building, 38 Trương Quốc Dung Street, Ward 8, Phu Nhuan District, Ho Chi Minh City

Email: info@sainco.vn

Website: https://sainco.vn

CHUẨN MỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation Standards

- ISO/IEC 17021-1: 2015;
- ISO/IEC 17021-3: 2017

HIỆU LỰC CÔNG NHẬN/ Accreditation period

Từ/ from /06/2025 đến/ to /06/2030



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
ACCREDITATION SCHEDULE

PHẠM VI ĐƯỢC CÔNG NHẬN/ Scope of Accreditation

Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015 cho các lĩnh vực như sau/
Certification of quality management system according to ISO 9001: 2015 for the scopes as follows:

Nhóm ngành/ <i>Technical cluster</i>	Mã IAF <i>IAF code</i>	Phạm vi công nhận <i>Accreditation scope</i>	Phạm vi cụ thể theo mã NACE, Rev.2 <i>Detail scopes according to NACE code, Rev.2</i>
Thực phẩm <i>Food</i>	1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản <i>Agriculture, forestry and fishing</i>	01: Trồng trọt và chăn nuôi, săn bắn và các dịch vụ liên quan/ <i>Crop and animal production, hunting and related service activities</i>
			02: Lâm nghiệp và khai thác gỗ/ <i>Forestry and logging</i>
			03: Đánh cá và nuôi trồng thủy sản/ <i>Fishing and aquaculture</i>
	3	Thực phẩm, đồ uống, thuốc lá <i>Food products, beverages and tobacco</i>	10: Sản xuất thực phẩm/ <i>Manufacture of food products</i>
			11: Sản xuất đồ uống/ <i>Manufacture of beverages</i>
			12: Sản xuất thuốc lá/ <i>Manufacture of tobacco products</i>
	30	Khách sạn, nhà hàng <i>Hotels and restaurants</i>	55: Kinh doanh dịch vụ ăn nghỉ/ <i>Accommodation</i>
			56: Các hoạt động dịch vụ thực phẩm, đồ uống/ <i>Food and beverage service activities</i>

Ghi chú/Note: Trường hợp Công ty Cổ phần Giám định Hàng hóa Sài Gòn cung cấp dịch vụ chứng nhận thì Công ty Cổ phần Giám định Hàng hóa Sài Gòn phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *In case Sainco Inspection Joint Stock Company provides certification services, the Company shall register its operations and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*